

TỔNG QUAN VỀ NGHIÊN CỨU VÀ BIÊN SOẠN MỤC TỪ LIÊN NGÀNH TRONG TỪ ĐIỂN BÁCH KHOA¹

TRINH THI THU HIỀN²

Abstract: This paper reviews studies on the treatment of interdisciplinary entries in encyclopedic dictionaries, focusing on Social Sciences. Drawing on representative international and Vietnamese research, including modern encyclopedias, lexicographic theories, interdisciplinary studies, and editorial projects, the paper analyzes dominant approaches, key achievements, and remaining limitations. The review shows that although interdisciplinarity is widely acknowledged in contemporary knowledge organization, the micro-level operationalization of interdisciplinary entries in encyclopedic dictionaries has not yet been systematically standardized. The paper therefore clarifies the academic positioning of this issue and provides a theoretical foundation for subsequent research on models and principles for compiling interdisciplinary entries in encyclopedic dictionaries within current scholarly discourse worldwide today.

Keywords: *interdisciplinary headwords, encyclopedic dictionaries, lexicography, interdisciplinarity*

1. Đặt vấn đề

Trong bối cảnh tri thức khoa học xã hội và nhân văn đương đại phát triển mạnh mẽ theo hướng liên ngành, nhiều khái niệm, phạm trù và hiện tượng xã hội không còn tồn tại trong phạm vi của một ngành khoa học đơn lẻ (Klein, 1990; Repko, 2012). Các lĩnh vực như văn hoá học, xã hội học, ngôn ngữ học, luật học, truyền thông học hay tâm lý học ngày càng có xu hướng giao thoa, bổ sung và tương tác lẫn nhau trong quá trình hình thành và phát triển tri thức. Sự xuất hiện ngày càng phổ biến của các khái niệm mang tính giao thoa cao cho thấy cấu trúc tri thức khoa học xã hội hiện đại đang vận động theo hướng tích hợp, đa chiều và linh hoạt hơn so với mô hình phân ngành truyền thống.

Sự chuyển dịch này đặt ra những yêu cầu mới đối với việc tổ chức, chuẩn hoá và biểu hiện tri thức trong các công trình tham chiếu học thuật, đặc biệt là trong từ điển bách khoa. Với chức năng hệ thống hoá và phổ biến tri thức, từ điển bách khoa không chỉ phản ánh nội dung tri thức của từng ngành, mà còn có vai trò thể hiện cấu trúc tổng thể và mối liên hệ giữa các lĩnh vực trong một chỉnh thể tri thức thống nhất. Trong bối cảnh đó, các mục từ mang bản chất liên ngành (theo cách hiểu trong nghiên cứu này), nhất là trong lĩnh vực khoa học xã hội (KHXX), ngày càng xuất hiện với tần suất cao và giữ vai trò quan trọng trong việc kết nối tri thức giữa các ngành. Tuy nhiên, thực tiễn biên soạn cho thấy việc xử lý các mục từ liên ngành trong từ điển bách khoa vẫn đặt ra nhiều vấn đề cần được xem xét. Trong nhiều trường hợp, các khái niệm có bản chất liên ngành được trình bày theo cách tiếp cận đơn ngành hoặc bị phân tách thành các lớp nghĩa rời rạc theo từng lĩnh vực, khiến mối quan hệ nội tại giữa các ngành không được thể hiện đầy đủ. Điều này không chỉ ảnh hưởng đến tính hệ thống của tri thức bách khoa, mà còn làm giảm khả năng tra cứu và khai thác thông tin theo hướng tích hợp - một yêu cầu ngày càng quan trọng trong môi trường học thuật hiện đại và trong các hệ thống tri thức số.

Ở bình diện lý luận, từ điển học và bách khoa học đã hình thành những khung khái niệm và nguyên tắc quan trọng liên quan đến cấu trúc vĩ mô, cấu trúc vi mô và tổ chức mục từ. Đồng thời, các nghiên cứu về tiếp cận liên ngành trong KHXX đã góp phần làm rõ bản chất, đặc trưng và tính tất yếu của tri thức liên ngành trong nghiên cứu khoa học. Tuy nhiên, mối quan hệ giữa hai hướng nghiên cứu này - một bên là lý luận từ điển học - bách khoa học, một bên là lý luận liên ngành - vẫn chưa được làm rõ một cách hệ thống trong bối cảnh biên soạn từ điển bách khoa, đặc biệt ở cấp độ xử lý mục từ cụ thể.

Trong bối cảnh chuyển đổi số đang thúc đẩy mạnh mẽ việc xây dựng các hệ thống tri thức điện tử, bách khoa số và cơ sở dữ liệu học thuật mở, yêu cầu về tính nhất quán, khả năng liên kết và tích hợp tri thức của các mục từ bách khoa càng trở nên rõ nét. Các mục từ không còn tồn tại như những đơn vị thông tin biệt lập, mà trở thành các nút tri thức trong một mạng lưới liên kết đa tầng. Đối với lĩnh vực KHXX, nơi tri thức mang tính ngữ cảnh cao và thường xuyên giao thoa giữa các ngành, vấn đề xử lý mục từ liên ngành vì vậy cần được xem xét từ cả góc độ lý luận lẫn thực tiễn biên soạn.

¹ Bài viết là sản phẩm của Nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và công nghệ cấp cơ sở năm 2026 “Xây dựng mục từ liên ngành Khoa học xã hội trong từ điển bách khoa Việt Nam” do Viện Ngôn ngữ học là tổ chức chủ trì.

² Viện Ngôn ngữ học; Email: mebinbong19a@gmail.com

Xuất phát từ những vấn đề trên, việc khảo sát và tổng hợp các nghiên cứu liên quan đến xử lý mục từ liên ngành trong tư điển học và bách khoa học là cần thiết, nhằm làm rõ những cách tiếp cận đã có, những kết quả đạt được cũng như những hạn chế còn tồn tại. Trên cơ sở đó, tổng quan tình hình nghiên cứu không chỉ giúp định vị vấn đề xử lý mục từ liên ngành trong bức tranh chung của nghiên cứu học thuật hiện nay, mà còn tạo nền tảng lý luận cho các phân tích tiếp theo về mô hình và nguyên tắc xử lý mục từ liên ngành trong tư điển bách khoa.

2. Khái niệm và vấn đề trong xử lý mục từ liên ngành ở tư điển bách khoa

2.1. Khái niệm mục từ liên ngành

Trong bối cảnh hiện nay, chưa tồn tại một định nghĩa thống nhất về *mục từ liên ngành* trong tư điển bách khoa. Do đó, trong phạm vi nghiên cứu này, khái niệm này được sử dụng như một định nghĩa làm việc (working definition) nhằm đảm bảo tính nhất quán trong phân tích. Theo đó, *mục từ liên ngành* được hiểu là những đơn vị mục từ trong tư điển bách khoa có nội dung tri thức được hình thành trên cơ sở giao thoa giữa từ hai lĩnh vực khoa học trở lên, trong đó không có một ngành đơn lẻ nào có thể bao quát đầy đủ bản chất của khái niệm.

Khác với mục từ đơn ngành - vốn được xác định và trình bày trong phạm vi một hệ thống tri thức chuyên biệt - mục từ liên ngành có thể được nhận diện thông qua một số đặc trưng cơ bản: (1) đa nguồn tri thức: nội dung được cấu thành từ nhiều lĩnh vực (ví dụ: luật học - xã hội học - truyền thông); (2) đa tầng nghĩa: mỗi lớp nghĩa phản ánh một góc tiếp cận khoa học khác nhau; (3) tính kết nối cao: có quan hệ chặt chẽ với các mục từ thuộc nhiều ngành khác nhau; (4) tính ngữ cảnh mạnh: ý nghĩa và phạm vi sử dụng thay đổi theo hệ quy chiếu ngành.

Ví dụ điển hình trong KHXH gồm: *nhân quyền*, *truyền thông đại chúng*, *trí tuệ nhân tạo* và *đạo đức*, *biến đổi khí hậu*...

Từ góc độ tư điển học bách khoa, mục từ liên ngành không chỉ là một đơn vị định nghĩa, mà còn có thể được xem như một nút tri thức (knowledge node) trong mạng lưới tri thức đa ngành, đòi hỏi phải có cơ chế tổ chức, liên kết và trình bày phù hợp để phản ánh mối quan hệ giữa các lĩnh vực trong một chỉnh thể thống nhất.

2.2. Một số vấn đề trong xử lý mục từ liên ngành ở cấp độ vi mô của tư điển bách khoa

Từ cách hiểu về mục từ liên ngành như một đơn vị tri thức được hình thành trên cơ sở giao thoa giữa nhiều lĩnh vực, có thể thấy rằng việc xử lý loại mục từ này trong tư điển bách khoa không chỉ dừng lại ở việc mô tả nội dung, mà còn liên quan đến việc tổ chức và biểu hiện tri thức ở cấp độ cấu trúc.

Trong phạm vi tư điển bách khoa, mục từ không chỉ là đơn vị định nghĩa, mà còn là một đơn vị tổ chức tri thức. Do đó, đối với các mục từ có bản chất liên ngành, vấn đề đặt ra không chỉ là xác định nội dung tri thức, mà còn là xác lập cách thức biểu hiện mối quan hệ giữa các lĩnh vực trong cùng một cấu trúc mục từ.

Cụ thể, việc xử lý mục từ liên ngành có thể được xem xét thông qua một số phương diện cơ bản sau: (1) Phạm vi và ranh giới mục từ: xác định đâu là nội dung cốt lõi của mục từ trong bối cảnh có nhiều lĩnh vực cùng tham gia. (2) Cấu trúc nội dung: tổ chức các lớp thông tin phản ánh các góc tiếp cận khác nhau trong một chỉnh thể thống nhất. (3) Các trường thông tin: xác lập những thành phần thông tin cần thiết để thể hiện đặc trưng đa ngành của mục từ. (4) Cơ chế liên kết: thiết lập mối quan hệ giữa mục từ này với các mục từ thuộc các lĩnh vực liên quan trong hệ thống bách khoa.

Như vậy, xử lý mục từ liên ngành có thể được xem như một vấn đề thuộc cấu trúc vi mô của tư điển bách khoa, đòi hỏi một cách tiếp cận có tính hệ thống nhằm đảm bảo vừa phản ánh đầy đủ nội dung tri thức, vừa duy trì tính thống nhất của cấu trúc mục từ.

3. Tổng quan tình hình nghiên cứu

3.1. Nghiên cứu quốc tế

3.1.1. Các công trình từ điển bách khoa hiện đại

Các bộ bách khoa hiện đại như: *Encyclopaedia Britannica* (Bách khoa toàn thư Britannica), *Wikipedia* (Bách khoa toàn thư mở Wikipedia), *Stanford Encyclopedia of Philosophy* (Bách khoa toàn thư Triết học Stanford - SEP), *Routledge Encyclopedia of Philosophy* (Bách khoa toàn thư Triết học Routledge - REP), *Internet Encyclopedia of Philosophy* (Bách khoa toàn thư Triết học trên Internet - IEP), thể hiện rõ tiến trình phát triển từ mô hình in sang mô hình điện tử, từ cấu trúc phân ngành truyền thống sang mô hình mở, đa kết nối và liên ngành.

Encyclopaedia Britannica được xem là chuẩn mực của mô hình bách khoa phương Tây. Từ phiên bản điện tử năm 2012, *Britannica* đã chuyển sang hình thức xuất bản số, cho phép cập nhật

thường xuyên và tích hợp dữ liệu đa lĩnh vực. Tuy nhiên, cách tổ chức mục từ của bộ bách khoa này vẫn chủ yếu dựa trên khung phân ngành truyền thống, trong đó, việc xử lý các nội dung liên ngành chưa được tách thành một hệ nguyên tắc riêng trong cấu trúc mục từ.

Wikipedia là bách khoa mở lớn nhất thế giới, phản ánh tính liên ngành một cách tự nhiên thông qua hệ thống siêu liên kết (hyperlinks) giữa các bài viết. Mỗi mục từ đều có khả năng kết nối tới các lĩnh vực khác nhau, tạo thành một mạng tri thức mở. Tuy nhiên, vì dựa trên cơ chế cộng đồng tự quản, *Wikipedia* chưa được chuẩn hoá theo một hệ thống nguyên tắc học thuật thống nhất, dẫn đến sự chênh lệch về độ tin cậy, chất lượng và phong cách trình bày giữa các mục từ.

Việc sử dụng các nguồn bách khoa mở như *Wikipedia*, *Wikidata* hay *Britannica Online* trong nghiên cứu này chỉ nhằm mục đích khảo sát mô hình tổ chức, cấu trúc và cách thức liên kết mục từ, không dùng nội dung định nghĩa làm dữ liệu học thuật. Tuy nhiên, dù cơ chế biên tập cộng đồng khiến *Wikipedia* tồn tại những hạn chế nhất định, song, nhiều nghiên cứu quốc tế đã đánh giá tương đối tích cực về độ tin cậy của nguồn này. Đặc biệt, Giles (2005, *Nature*) - trong tổng thuật *The Sum of All Human Knowledge: A Systematic Review of Scholarly Research on the Content of Wikipedia* (Tổng hợp tất cả tri thức nhân loại: Tổng quan hệ thống các nghiên cứu học thuật về nội dung Wikipedia) (Mesgari et al., 2015) - đã cho thấy độ chính xác trung bình của *Wikipedia* trong các lĩnh vực khoa học, bao gồm cả KHXH, tương đương với *Encyclopaedia Britannica* khi được các chuyên gia thẩm định ын danh. Tuy nhiên, các tác giả cũng lưu ý rằng kết quả này có giá trị trong phạm vi so sánh giới hạn, phụ thuộc vào từng lĩnh vực và mức độ chuyên sâu.

Bên cạnh đó, *Wikimedia Foundation* đã áp dụng nhiều tiêu chuẩn biên tập học thuật như chính sách xác minh (verifiability policy), quan điểm trung lập (neutral point of view) và yêu cầu trích dẫn (citation requirement) nhằm tăng tính minh bạch nội dung và khả năng kiểm chứng. Do đó, trong phạm vi bài viết này, *Wikipedia* và các bách khoa mở khác được sử dụng như nguồn dữ liệu thứ cấp phục vụ phân tích mô hình và xu hướng biên soạn, đảm bảo tính khách quan và độ tin cậy khoa học khi được đối chiếu song song với các bách khoa có kiểm định như *Encyclopaedia Britannica* (Bách khoa toàn thư Britannica), *Stanford Encyclopedia of Philosophy* (Bách khoa toàn thư Triết học Stanford - SEP) và *Routledge Encyclopedia of Philosophy* (Bách khoa toàn thư Triết học Routledge - REP)....

SEP và *IEP*, cùng với các bộ bách khoa triết học như *Routledge Encyclopedia of Philosophy* (Bách khoa toàn thư Triết học Routledge - REP), đại diện cho xu hướng bách khoa chuyên ngành triết học có chuẩn mực khoa học cao. Các mục từ, ví dụ như *Cognitive Science* (khoa học tri nhận), *Bioethics* (đạo đức sinh học), *Artificial Intelligence and Ethics* (trí tuệ nhân tạo và đạo đức) thể hiện rõ cách tiếp cận liên ngành giữa triết học, khoa học nhận thức, sinh học và công nghệ. Tuy nhiên, các công trình này vẫn chủ yếu tập trung trong phạm vi triết học, chưa mở rộng một cách hệ thống nguyên tắc xử lý mục từ sang các lĩnh vực KHXH khác như xã hội học, chính trị học hay truyền thông học.

Nhóm công trình này cho thấy xu thế tất yếu của bách khoa khoa học hiện đại là liên ngành hoá và số hoá tri thức, nhưng vẫn chưa được triển khai thành một bộ nguyên tắc mang tính khái quát trong các mô hình hiện có để xác định, phân loại và trình bày mục từ liên ngành KHXH trong một khung cấu trúc chuẩn. Thêm vào đó, trong các mô hình bách khoa hiện hành, tính liên ngành chủ yếu được tiếp cận như một đặc điểm của hệ thống tri thức tổng thể, trong khi việc xử lý liên ngành ở cấp độ đơn vị mục từ vẫn chưa được xem xét như một vấn đề lý luận độc lập.

3.1.2. Nhóm công trình lý thuyết từ điển học và tổ chức mục từ

Các học giả như: Hartmann & James (1998), Henri Béjoint (2010), Atkins & Rundell (2008) và Landau (2001) đã đặt nền tảng cho lý thuyết từ điển học hiện đại, với các khái niệm cơ bản về macrostructure (cấu trúc vĩ mô) và microstructure (cấu trúc vi mô) của từ điển. Họ nhấn mạnh vai trò của ngữ nghĩa học, sự liên kết chéo (cross-reference) và siêu dữ liệu (metadata) trong việc tổ chức mục từ. Tuy nhiên, phạm vi nghiên cứu của các công trình này vẫn chủ yếu hướng tới từ điển ngôn ngữ hoặc từ điển chuyên ngành đơn lĩnh vực, chưa đề cập đến nguyên tắc chuẩn hoá và biên soạn mục từ mang tính liên ngành trong bách khoa.

Ở giai đoạn gần đây, Pedro A. Fuertes-Olivera (2017) trong *The Routledge Handbook of Lexicography* (Cẩm nang từ điển học Routledge) đã đưa ra khái niệm “lexicography as knowledge base” - coi từ điển như một hệ tri thức động, có khả năng tích hợp dữ liệu ngữ cảnh, liên ngành và tương tác người dùng. Tư tưởng này mở ra hướng nghiên cứu mới cho việc chuyển đổi từ điển truyền thống thành nền tảng tri thức liên ngành và số hoá, tuy nhiên chưa có mô hình ứng dụng cụ thể trong lĩnh vực KHXH.

Ngoài ra, các công trình như trong lĩnh vực *Digital Humanities* (Nhân văn kỹ thuật số) (Schreibman et al., 2012) và *Encyclopedia of Big Data* (Bách khoa toàn thư về dữ liệu lớn) (Schintler & McNeely, 2019) bước đầu phản ánh rõ xu hướng giao thoa giữa công nghệ dữ liệu và nhân văn học số, nhưng trọng tâm của các công trình này là mô tả nội dung và ứng dụng, do đó các cơ chế lý thuyết liên quan đến tổ chức mục từ liên ngành chưa được đặt ra như một nội dung chính.

Nhóm công trình này tạo nền tảng khoa học cho việc nhận diện cấu trúc mục từ, song do được xây dựng trên cơ sở mục từ đơn ngành, việc vận dụng vào mục từ liên ngành trong từ điển bách khoa chưa được triển khai thành mô hình cụ thể và có thể phát sinh những độ vênh nhất định về cấu trúc và tổ chức nội dung.

3.1.3. Nhóm công trình bách khoa số và công cụ liên ngành

Các dự án bách khoa số như *Interdisciplinary Multilingual Dictionary* (Từ điển đa ngôn ngữ liên ngành) (IMD) của Monika Bogdanowska & Martin Taylor (2013) là minh chứng rõ nét cho nỗ lực kết hợp giữa biên soạn từ điển đa ngôn ngữ - đa ngành trong môi trường số. IMD chú trọng khả năng xử lý ngôn ngữ tự nhiên, giao tiếp đa lĩnh vực và hỗ trợ tra cứu ngữ nghĩa, tạo ra giá trị thực nghiệm đáng kể trong việc số hoá tri thức liên ngành. Tuy nhiên, dự án vẫn dừng ở mức công cụ, chưa phát triển thành hệ nguyên tắc biên soạn bách khoa chuẩn hoá.

Tương tự, các hệ bách khoa điện tử như *Oxford Reference Online* (Tài liệu tham khảo trực tuyến của Oxford) hay các nền tảng học thuật trực tuyến như *Cambridge Core* (Cốt lõi của Cambridge) đã áp dụng công nghệ siêu liên kết để tích hợp thông tin giữa các ngành học, song việc xác định đâu là khái niệm gốc (core concept) và đâu là khái niệm phụ trợ (contextual concept) vẫn chưa có chuẩn mực thống nhất, đặc biệt trong khối KHXH có đặc trưng ngữ nghĩa phức hợp và đa chiều.

Các công trình quốc tế đã khẳng định rõ xu hướng tích hợp tri thức liên ngành và số hoá dữ liệu, nhưng chưa xây dựng được bộ nguyên tắc hệ thống để nhận diện, phân loại và trình bày mục từ liên ngành một cách chuẩn hoá, nhất quán và khả dụng trong KHXH. Đây chính là khoảng trống lý luận mà nhiệm vụ hướng đến kế thừa, điều chỉnh và bổ sung, nhằm đóng góp vào việc hình thành khung nguyên tắc biên soạn mục từ liên ngành KHXH trong từ điển bách khoa Việt Nam hiện đại.

3.2. Nghiên cứu trong nước

Tình hình nghiên cứu và biên soạn ở Việt Nam có thể quy về ba hướng nghiên cứu chủ đạo, phản ánh tiến trình phát triển của từ điển học và bách khoa học Việt Nam trong hơn ba thập niên qua: (1) nghiên cứu phổ cập - chuẩn hoá tri thức qua các bộ bách khoa và từ điển bách khoa chuyên ngành; (2) nghiên cứu lý thuyết hoá hoạt động từ điển học và bách khoa thư nhằm xây dựng khung phương pháp; (3) nghiên cứu thực hành - thao tác hoá xử lý liên ngành trong thực hành biên soạn. Việc nhận diện rạch ròi ba hướng này cho thấy sự tiếp nối trong hướng nghiên cứu hiện nay, đồng thời chỉ ra khoảng trống cần lấp đầy: chưa có một hệ nguyên tắc vi mô dành riêng cho mục từ liên ngành trong Từ điển bách khoa (đặc biệt khối KHXH). Thêm vào đó, mặc dù các hướng nghiên cứu trong nước tiếp cận vấn đề từ những lát cắt khác nhau, nhìn chung vẫn chưa hình thành được sự kết nối trực tiếp giữa tiếp cận liên ngành và thao tác xử lý mục từ ở cấp độ vi mô trong từ điển bách khoa.

3.2.1. Các công trình từ điển bách khoa và từ điển chuyên ngành

Từ điển Bách khoa Việt Nam (1995 - 2005, 4 tập) - do Hội đồng chỉ đạo biên soạn Từ điển Bách khoa Việt Nam chủ trì, là công trình nền tảng, kết tinh tư tưởng phổ cập tri thức và chuẩn hoá thuật ngữ ở quy mô toàn xã hội. Hệ thống mục từ tổ chức theo hệ phân ngành cổ điển, nhấn mạnh tính đầy đủ và tin cậy của nội dung. Giá trị lớn nhất của bộ sách là thiết lập kho tri thức chuẩn và hình thành thói quen tra cứu bách khoa trong cộng đồng học thuật. Tuy thế, do điều kiện công nghệ và mô hình nhận thức thời điểm biên soạn, tính liên ngành mới chỉ thể hiện ở mức đi kèm liên kết chéo rời rạc, thiếu quy tắc nhận diện/ghi chú liên ngành và vi mô thống nhất cho các khái niệm giao thoa (ví dụ các mục có bản chất nhiều lĩnh vực như *nhân quyền*, *biến đổi khí hậu*, *trí tuệ nhân tạo*...).

Để làm rõ hơn cách thức xử lý các mục từ có tính chất liên ngành trong thực tiễn biên soạn, có thể tiến hành khảo sát minh họa trên một số mục từ tiêu biểu trong *Từ điển Bách khoa Việt Nam* (4 tập).

Kết quả khảo sát sơ bộ cho thấy, trong hệ thống mục từ của bộ từ điển này, tồn tại một số lượng đáng kể các mục từ có nội dung liên quan đến nhiều lĩnh vực khác nhau, đặc biệt trong các lĩnh vực như *luật học*, *xã hội học*, *văn hoá học* và *môi trường*. Các mục từ như *nhân quyền*, *biến đổi khí hậu*, *truyền thông*, *toàn cầu hoá*... đều thể hiện rõ tính chất giao thoa giữa nhiều ngành khoa học.

Tuy nhiên, cách thức xử lý các mục từ này chủ yếu vẫn theo hướng tiếp cận đơn ngành. Nội dung mục từ thường được triển khai theo một trục chính thuộc một lĩnh vực ưu thế, trong khi các

khía cạnh liên quan đến các lĩnh vực khác chỉ được đề cập bổ trợ, chưa được tổ chức thành các lớp thông tin tương ứng với từng góc tiếp cận khoa học. Đồng thời, cơ chế liên kết giữa các mục từ có liên quan còn mang tính rời rạc, chủ yếu dừng ở các chỉ dẫn “xem thêm”, chưa hình thành một mạng lưới liên kết tri thức có tính hệ thống.

Những đặc điểm này cho thấy rằng, mặc dù các mục từ liên ngành đã hiện diện trong từ điển bách khoa, nhưng việc xử lý chúng vẫn chưa phản ánh đầy đủ bản chất đa ngành của tri thức.

Bảng 1. Phân tích minh họa một số mục từ liên ngành trong Từ điển Bách khoa Việt Nam

Mục từ	Các lĩnh vực liên quan	Cách xử lý trong từ điển	Nhận xét (theo hướng liên ngành)
Nhân quyền	Luật học - Chính trị học - Xã hội học	Nội dung chủ yếu trình bày theo khung pháp lý và chính trị	Thiên về một ngành (luật/chính trị), các khía cạnh xã hội học chưa được triển khai như các lớp nội dung độc lập
Biến đổi khí hậu	Khoa học môi trường - Kinh tế - Chính sách công	Trình bày theo hướng khoa học tự nhiên và tác động chung	Chưa phân tách rõ các góc tiếp cận kinh tế - xã hội - chính sách trong cấu trúc mục từ
Truyền thông	Báo chí - Xã hội học - Văn hoá học	Giải thích khái niệm theo phạm vi báo chí/ truyền thông	Các chiều kích xã hội và văn hoá được đề cập nhưng chưa được tổ chức thành hệ thống
Toàn cầu hoá	Kinh tế học - Chính trị học - Văn hoá học	Nhấn mạnh quá trình kinh tế và hội nhập quốc tế	Các khía cạnh văn hoá và xã hội mang tính bổ trợ, chưa có cấu trúc đa tầng rõ ràng
Phát triển bền vững	Môi trường - Kinh tế - Xã hội học	Trình bày khái niệm và mục tiêu chung	Có tính liên ngành rõ nhưng cách tổ chức nội dung vẫn mang tính liệt kê, chưa thể hiện quan hệ giữa các lĩnh vực

Bên cạnh đó là loạt từ điển chuyên ngành như: *Từ điển Văn học* (bộ mới) (2004) do Đỗ Đức Hiểu chủ biên, *Từ điển Luật học* (2006) của Viện Khoa học Pháp lý - Bộ Tư pháp, *Từ điển Tâm lý học* (2008) do Vũ Dũng chủ biên, *Từ điển Giải thích Thuật ngữ Báo chí* (2024) do Quách Thị Gấm chủ biên)... Các công trình này phản ánh xu hướng chuyên biệt hoá trong nghiên cứu và biên soạn: ưu tiên độ sâu của từng ngành, chuẩn hoá nội bộ thuật ngữ nội bộ và phục vụ trực tiếp cho đào tạo. Tuy nhiên, do định hướng tập trung vào một lĩnh vực trung tâm, các mối liên hệ liên ngành thường chưa được thể hiện rõ; những trường hợp khái niệm đi qua ranh giới giữa các lĩnh vực (như luật - xã hội học; tâm lý - ngôn ngữ; truyền thông - văn hoá) ít có quy tắc ghi nhận thống nhất.

Để làm rõ hơn nhận định này, có thể xem xét một số mục từ tiêu biểu trong các từ điển chuyên ngành như: *Từ điển Tâm lý học*, *Từ điển Giải thích Thuật ngữ Báo chí*, *Từ điển Văn học*. Khảo sát được thực hiện theo hướng lựa chọn một số mục từ có tính chất liên ngành trong các lĩnh vực khác nhau, nhằm phân tích cách thức tổ chức và biểu hiện nội dung trong phạm vi minh họa. Các ví dụ được lựa chọn thuộc các lĩnh vực khác nhau nhằm phản ánh những dạng thức điển hình của mục từ liên ngành trong từ điển chuyên ngành. Khảo sát này mang tính minh họa, không nhằm thống kê toàn bộ hệ thống mục từ.

Các mục từ như: *truyền thông đại chúng*, *văn hoá đại chúng* trong *Từ điển Giải thích Thuật ngữ Báo chí*; *giao tiếp* trong *Từ điển Tâm lý học*; *tiếp nhận văn học* trong *Từ điển Văn học*; *diễn ngôn* trong *Từ điển Ngôn ngữ học*, *Từ điển Giải thích Thuật ngữ Báo chí*; v.v. cho thấy nội dung thường được triển khai theo phạm vi của ngành trung tâm, trong khi các hướng tiếp cận liên ngành khác chưa được tổ chức thành các lớp thông tin tương ứng.

Chẳng hạn, mục từ *diễn ngôn* có thể được tiếp cận từ ngôn ngữ học, xã hội học và truyền thông học, song trong từ điển chuyên ngành, nội dung chủ yếu được trình bày theo một hướng tiếp cận chính, còn các chiều kích liên ngành khác chỉ được đề cập gián tiếp thông qua dẫn giải. Điều này cho thấy các mục từ có bản chất liên ngành thường được triển khai theo một trục tiếp cận ưu thế, phù hợp với định hướng chuyên ngành của công trình, trong khi các chiều kích liên ngành chưa được tổ chức thành các lớp nội dung tương ứng trong cấu trúc mục từ.

Bên cạnh đó, cơ chế liên kết giữa các mục từ thuộc các lĩnh vực khác nhau trong từ điển chuyên ngành cũng không phải là phương diện được ưu tiên trong cấu trúc của loại hình từ điển này, do mục tiêu chủ yếu là chuẩn hoá thuật ngữ trong phạm vi một ngành cụ thể. Vì vậy, các mối quan hệ liên ngành chủ yếu được thể hiện gián tiếp thông qua nội dung giải thích, chưa được tổ chức thành một hệ thống liên kết tri thức có tính cấu trúc.

Nhìn chung, các công trình thuộc nhóm này đã đóng vai trò nền tảng và định hình diện mạo của ngành Từ điển học và Bách khoa học ở Việt Nam trong hơn ba thập niên qua. Tuy nhiên, các công trình này được xây dựng theo định hướng phân ngành, trong đó việc tích hợp các hướng liên ngành chưa phải là mục tiêu tổ chức chính của hệ thống mục từ. Ngoài ra, về phương diện cấu trúc, mô hình biên soạn vĩ mô - vi mô của các công trình này vẫn đi theo hướng từ điển liệt kê và giải thích ngữ nghĩa, chưa chuyển sang hướng từ điển tri thức (knowledge-based encyclopedic dictionary), trong đó mỗi mục từ vừa là đơn vị ngữ nghĩa, vừa là nút tri thức có khả năng liên kết đa tầng, vì thế cấu trúc mục từ chủ yếu phản ánh tri thức theo từng lĩnh vực riêng biệt, do đó các mối liên hệ liên ngành chưa được biểu hiện như một mạng lưới tri thức đa tầng.

3.2.2. Các công trình lý luận và phương pháp luận

Trong lĩnh vực từ điển học Việt Nam, các công trình lý luận và phương pháp luận cơ bản đóng vai trò đặt nền móng cho tư duy khoa học về tổ chức, biên soạn và chuẩn hoá mục từ.

Trong *Một số vấn đề về Từ điển học*, Nguyễn Ngọc Trâm là một trong những người đầu tiên đặt nền tảng cho khung lý thuyết từ điển học tiếng Việt. Tác giả phân biệt rõ cấu trúc vĩ mô (macrostructure) và vi mô (microstructure) của một cuốn từ điển, đồng thời nhấn mạnh tầm quan trọng của nguyên tắc lựa chọn mục từ - coi đây là bước đầu tiên và quan trọng nhất trong quá trình biên soạn. Đặc biệt, công trình đã chỉ ra sự khác biệt căn bản giữa từ điển ngôn ngữ học và từ điển bách khoa học, qua đó xác lập phạm vi, chức năng và mục tiêu riêng của mỗi loại hình. Tuy nhiên, công trình này mới dừng lại ở lý luận chung về cấu trúc và chưa triển khai vấn đề liên ngành trong thực hành biên soạn bách khoa. (Nguyễn Ngọc Trâm, 1997).

Trong nhiệm vụ cấp Bộ *Một số vấn đề lý luận và phương pháp luận cơ bản về từ điển học và bách khoa thư Việt Nam*, Phạm Hùng Việt cùng các thành viên đã mở rộng nghiên cứu sang phạm vi tổng thể của từ điển học và bách khoa học quốc gia. Nhóm tác giả đã hệ thống hoá tình hình nghiên cứu, khái quát đặc điểm cấu trúc, đồng thời đề xuất nguyên tắc tổ chức mục từ, quy trình biên soạn và định hướng phương pháp cho việc xây dựng *Bách khoa Toàn thư Việt Nam*. Đây là công trình mang tính định hướng học thuật quan trọng, giúp đặt nền tảng cho tư duy biên soạn bách khoa có hệ thống. Tuy nhiên, phạm vi của nghiên cứu này vẫn chủ yếu tập trung ở cấp vĩ mô, chú trọng vào cấu trúc và nguyên tắc tổng thể, trong khi các vấn đề liên quan đến quy tắc xử lý ở cấp độ vi mô của mục từ chưa được triển khai như một hướng nghiên cứu riêng, đặc biệt là mục từ có tính chất liên ngành trong KHXH. (Phạm Hùng Việt và các thành viên, 2010).

Trong công trình *Thuật ngữ học: Những vấn đề lý luận và thực tiễn*, Hà Quang Năng cùng các tác giả đã góp phần kết nối giữa từ điển học và thuật ngữ học, làm rõ mối quan hệ biện chứng giữa chuẩn hoá thuật ngữ chuyên ngành và hệ thống hoá tri thức học thuật. Tác giả nhấn mạnh rằng, trong bối cảnh hội nhập quốc tế, việc chuẩn hoá thuật ngữ là điều kiện tiên quyết để đảm bảo tính thống nhất và liên thông tri thức giữa các ngành. Tuy nhiên, dù có đề cập đến tính giao thoa giữa các lĩnh vực, công trình này vẫn chưa phát triển thành khung lý thuyết xử lý mục từ liên ngành mà mới dừng ở phạm vi thuật ngữ học chuyên biệt. (Hà Quang Năng cùng các tác giả, 2020)

Nhìn tổng thể, các công trình lý luận và phương pháp luận nêu trên đã đặt nền tảng quan trọng cho từ điển học Việt Nam, đặc biệt trong việc xác lập các khái niệm cơ bản, cấu trúc tổ chức mục từ và quy trình biên soạn. Tuy nhiên, chúng vẫn chủ yếu thiên về tư duy hệ thống hoá ở bình diện lý thuyết tổng quát, vẫn còn thiếu những nghiên cứu chuyên biệt hướng đến xử lý mục từ liên ngành trong từ điển bách khoa hiện đại.

Chính khoảng trống giữa lý luận từ điển học truyền thống và nhu cầu biên soạn liên ngành của bách khoa hiện đại là cơ sở để nhiệm vụ hiện nay kế thừa, cụ thể hoá và phát triển nhằm hướng tới việc xây dựng một hệ nguyên tắc khả thi, nhất quán và có thể áp dụng thực tiễn cho từ điển bách khoa liên ngành Khoa học Xã hội.

3.2.3. Các công trình thực tiễn xử lý mục từ liên ngành

Đề án *Nghiên cứu phương pháp xử lý các mục từ trùng lặp liên ngành, đa ngành trong Bách khoa Toàn thư Việt Nam* (2019 - 2021) do Lại Văn Hùng chủ trì là mốc quan trọng: lần đầu tiên xây dựng quy trình và tiêu chí biên tập để nhận diện - đối chiếu - xử lý trùng lặp giữa 39 bộ bách khoa thư chuyên ngành; đề xuất cách điều phối nội dung khi một mục từ xuất hiện ở nhiều tập/ngành, qua đó giảm trùng, tăng nhất quán ở cấp bách khoa toàn thư. Tư tưởng cốt lõi của Đề án là điều phối tri thức ở quy mô vĩ mô nhằm tối ưu hoá tổ chức biên soạn và xuất bản. Tuy nhiên, do mục tiêu gắn với toàn thư nhiều tập, trọng tâm của Đề án là điều phối nội dung ở quy mô toàn thư, do đó các vấn đề liên quan đến chuẩn

hoá cấu trúc vi mô của từng mục từ không được đặt ra như một nội dung xử lý riêng biệt, cụ thể, các quy tắc liên quan đến việc lựa chọn ngành trung tâm, tổ chức các trường thông tin và trình bày nội dung ở cấp độ mục từ chưa được xác lập như một hệ nguyên tắc thống nhất trong khuôn khổ nghiên cứu này.

Hoàng Thị Nhung (2021) đã tiếp cận vấn đề từ góc độ nhận diện và xử lý mục từ liên ngành trong lĩnh vực du lịch - một lĩnh vực có tính tích hợp cao: du lịch kết hợp văn hoá, kinh tế, môi trường, truyền thông. Tác giả đề xuất tiêu chí nhận diện liên ngành trong phạm vi du lịch, gợi ý cách ghi nhận mối liên hệ nội dung và liên kết chéo giữa các mục. Giá trị của tác phẩm là chứng minh tính khả thi của thao tác hoá liên ngành trong một bách khoa chuyên biệt. Tuy nhiên, đây chỉ là nghiên cứu trong phạm vi hẹp, chưa khái quát thành bộ nguyên tắc áp dụng được cho toàn khối KHXH và chưa chuyên thành mô hình vi mô thống nhất của từ điển bách khoa.

Quách Thị Gấm (2024) thông qua khảo sát một số công trình từ điển (trọng tâm là từ điển thuật ngữ báo chí) đã nhận diện tình huống liên ngành trong thực hành biên soạn từ điển chuyên ngành, nhấn mạnh nhu cầu chuẩn hoá cách ghi nhận giao thoa (báo chí - truyền thông - văn hoá - xã hội học). Tuy nhiên, vì đối tượng là từ điển thuật ngữ, cách tiếp cận thiên về ngôn ngữ - thuật ngữ, nên chưa giải quyết vấn đề vi mô bách khoa (định nghĩa mang tính bách khoa, trường thông tin nền tảng, tư liệu tham khảo, từ khoá liên kết...).

Các công trình thực tiễn này đã góp phần đặt nền tảng quan trọng cho việc xử lý mục từ liên ngành ở cấp bách khoa, đặc biệt với Đề án của Lại Văn Hùng khi xây dựng được tiêu chí và quy trình điều phối nội dung giữa các bộ bách khoa thư chuyên ngành. Tuy nhiên, do mục tiêu tập trung vào quy mô toàn thư, các nghiên cứu này chưa đi sâu vào chuẩn hoá cấp độ vi mô, tức là chưa xác lập nguyên tắc lựa chọn, cấu trúc và trình bày mục từ liên ngành trong thể loại từ điển bách khoa. Hai tác giả còn lại đã chứng minh tính khả thi của việc thao tác hoá liên ngành trong từng lĩnh vực cụ thể (du lịch, báo chí - truyền thông), song chưa khái quát thành mô hình áp dụng chung cho toàn khối KHXH. Điều này cho thấy rằng, bên cạnh những nghiên cứu đã có, vấn đề thao tác hoá tiếp cận liên ngành ở cấp độ mục từ trong từ điển bách khoa vẫn cần được làm rõ một cách hệ thống. Chính sự thiếu vắng một khung nguyên tắc vi mô tổng quát và thống nhất này là khoảng trống mà nghiên cứu hướng tới kế thừa và phát triển.

3.2.4. Nhận xét tổng kết

Tổng hợp ba nhóm công trình có thể thấy, nghiên cứu trong nước về từ điển học và bách khoa thư học đã hình thành một nền tảng học thuật tương đối vững chắc, đồng thời phản ánh những định hướng tiếp cận khác nhau trong việc tổ chức và biểu hiện tri thức.

Nhóm 1 (các bộ từ điển bách khoa và chuyên ngành) đã xây dựng được kho tri thức nền và hệ thống mục từ phong phú, chủ yếu được tổ chức theo mô hình phân ngành truyền thống. Trong khuôn khổ của cách tiếp cận này, việc ghi nhận và xử lý các khái niệm mang tính giao thoa giữa nhiều lĩnh vực chưa được tách thành một phương diện tổ chức riêng trong cấu trúc mục từ.

Nhóm 2 (các công trình lý luận - phương pháp luận) đã góp phần hình thành khung lý thuyết cơ bản cho từ điển học Việt Nam, tập trung vào các vấn đề ở bình diện vĩ mô và phương pháp luận chung. Trong phạm vi đó, các vấn đề liên quan đến hướng dẫn xử lý mục từ liên ngành ở cấp độ vi mô chưa được triển khai như một hướng nghiên cứu chuyên biệt.

Nhóm 3 (các công trình thực tiễn xử lý mục từ) bước đầu cho thấy khả năng vận dụng tiếp cận liên ngành trong biên soạn, đặc biệt ở cấp độ tổ chức nội dung. Tuy nhiên, trong khuôn khổ của các đề án và nghiên cứu này, việc xác lập các nguyên tắc tổng quát mang tính hệ thống cho xử lý mục từ liên ngành trong từ điển bách khoa chưa được đặt ra như một mục tiêu riêng.

Từ đó có thể thấy rằng, vấn đề xử lý mục từ liên ngành chủ yếu được tiếp cận phân tán ở các bình diện khác nhau, trong khi việc xem xét nó như một vấn đề ở cấp độ cấu trúc vi mô của mục từ vẫn chưa được hình thành như một hướng nghiên cứu độc lập. Điều này gợi ra nhu cầu tiếp tục nghiên cứu về các nguyên tắc liên quan đến việc lựa chọn, cấu trúc và trình bày mục từ liên ngành, đặc biệt trong lĩnh vực KHXH.

4. Kết luận

Tổng quan các nghiên cứu về mục từ liên ngành trong từ điển bách khoa cho thấy rằng, trong bối cảnh tri thức KHXH vận động theo hướng tích hợp và đa ngành, xu hướng liên ngành hoá đã được phản ánh ngày càng rõ trong tổ chức và biểu hiện tri thức bách khoa.

Ở bình diện quốc tế, các mô hình bách khoa hiện đại cho thấy sự chuyển dịch từ cấu trúc phân ngành sang các hệ thống mở và đa kết nối. Trong khi đó, ở Việt Nam, các công trình từ điển bách

khoa và từ điển chuyên ngành đã góp phần xây dựng nền tảng tri thức và chuẩn hoá thuật ngữ, đồng thời định hình những định hướng lí luận quan trọng cho hoạt động biên soạn.

Tuy nhiên, xét trong tương quan giữa lí luận và thực tiễn biên soạn, vấn đề xử lí mục từ liên ngành hiện chủ yếu được tiếp cận ở cấp độ tổ chức tri thức tổng thể, trong khi các vấn đề ở cấp độ cấu trúc vi mô của mục từ chưa được đặt ra như một hướng phân tích chuyên biệt. Các tiếp cận hiện nay tập trung vào bình diện phương pháp luận và tổ chức hệ thống, trong khi các phương diện liên quan đến phạm vi, cấu trúc nội dung, thành phần thông tin và cơ chế liên kết của mục từ liên ngành ở cấp độ vi mô chưa được triển khai thành một hệ thống nguyên tắc mang tính khái quát. Khoảng trống này cho thấy nhu cầu tiếp tục kết nối giữa lí thuyết từ điển học, bách khoa học với tiếp cận liên ngành, nhằm hướng tới việc hiểu đúng bản chất và đặc thù của mục từ liên ngành trong hệ thống tri thức bách khoa.

Trên cơ sở đó, có thể xác định một số phương diện trọng tâm cần tiếp tục làm rõ trong nghiên cứu và thực hành biên soạn, bao gồm: (1) tiêu chí nhận diện và phân loại mục từ liên ngành trong tương quan với mục từ đơn ngành và đa ngành; (2) cách thức xác định phạm vi và tổ chức cấu trúc nội dung của mục từ nhằm phản ánh các góc tiếp cận khác nhau trong một chỉnh thể thống nhất; (3) hệ thống các thành phần cấu trúc vi mô phù hợp với đặc trưng đa ngành của mục từ; (4) cơ chế liên kết giữa các mục từ trong mạng lưới tri thức bách khoa, đặc biệt trong môi trường số. Những phương diện này không nhằm đề xuất một mô hình hoàn chỉnh, mà định hướng cho các nghiên cứu tiếp theo về xử lí mục từ liên ngành trong từ điển bách khoa, như một hướng phát triển cần thiết của từ điển học trong bối cảnh tri thức hiện đại.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt

1. Nguyễn Huy Cận. (2008). *Ngôn ngữ học - Một số phương diện nghiên cứu liên ngành*. NXB Khoa học Xã hội.
2. Vũ Dũng (chủ biên). (2008). *Từ điển Tâm lí học*. NXB Từ điển Bách khoa. Hà Nội.
3. Quách Thị Gấm. (2024). *Cách xử lí mục từ liên ngành trong một số công trình từ điển thuật ngữ*. Tạp chí Từ điển học & Bách khoa thư, số 11.
4. Quách Thị Gấm (chủ biên). (2024). *Từ điển Giải thích Thuật ngữ Báo chí*. NXB Thông tin và Truyền thông. Hà Nội.
5. Đỗ Đức Hiểu (chủ biên). (2004). *Từ điển Văn học (bộ mới)*. NXB Thế giới. Hà Nội.
6. Hội đồng Quốc gia chỉ đạo biên soạn Từ điển bách khoa Việt Nam. (1995-2005). *Từ điển Bách khoa Việt Nam* (4 tập). NXB Từ điển Bách khoa. Hà Nội.
7. Lại Văn Hùng. (2019-2021). *Nghiên cứu phương pháp xử lí các mục từ trùng liên ngành, đa ngành trong Bách khoa Toàn thư Việt Nam*. Báo cáo đề án nghiên cứu.
8. Hà Quang Năng (chủ biên). (2020). *Thuật ngữ học: Những vấn đề lí luận và thực tiễn*. NXB ĐHQG Hà Nội.
9. Hoàng Thị Nhung. (2021). *Cách xử lí các mục từ liên ngành trong bách khoa du lịch*. In *Kỷ yếu nghiên cứu biên soạn Bách khoa Toàn thư Du lịch ở Việt Nam*. NXB Văn hoá Dân tộc.
10. Nguyễn Ngọc Trâm. (1997). *Một số vấn đề về từ điển học*. NXB Khoa học Xã hội.
11. Phạm Hùng Việt. (2010). *Một số vấn đề lí luận và phương pháp luận cơ bản về từ điển học và bách khoa thư Việt Nam* (Đề tài nghiên cứu cấp Bộ).
12. Viện Khoa học Pháp lí - Bộ Tư pháp. (2006). *Từ điển Luật học*. NXB Tư pháp. Hà Nội.

Tiếng Anh

13. Atkins, B. T. S., & Rundell, M. (2008). *The Oxford Guide to Practical Lexicography*. Oxford: Oxford University Press.
14. Béjoint, H. (2010). *The Lexicography of English: From Origins to Present*. Oxford: Oxford University Press.
15. Cambridge University Press (n.d.). *Cambridge Core*. Retrieved from <https://www.cambridge.org/core>
16. Craig, E. (Ed.). (1998). *Routledge Encyclopedia of Philosophy*. London: Routledge.
17. Encyclopaedia Britannica (2012). *Encyclopaedia Britannica Online*. Retrieved from <https://www.britannica.com>
18. Fuertes-Olivera, P. A. (2017). *Lexicography as a knowledge base*. In P. A. Fuertes-Olivera (Ed.), *The Routledge Handbook of Lexicography*. London: Routledge.
19. Giles, J. (2005). *Internet encyclopaedias go head to head*. Nature, 438, 900–901.
20. Hartmann, R. R. K., & James, G. (1998). *Dictionary of Lexicography*. London: Routledge.
21. *Internet Encyclopedia of Philosophy* (n.d.). Retrieved from <https://iep.utm.edu>
22. Landau, S. I. (2001). *Dictionaries: The Art and Craft of Lexicography* (2nd ed.). Cambridge: Cambridge University Press.
24. Oxford University Press (n.d.). *Oxford Reference Online*. Retrieved from <https://www.oxfordreference.com>
25. Schintler, L. A., & McNeely, C. L. (Eds.). (2019). *Encyclopedia of Big Data*. Cham: Springer.
26. Schreibman, S., Siemens, R., & Unsworth, J. (Eds.). (2012). *A Companion to Digital Humanities*. Oxford: Blackwell.
27. Wikipedia contributors (n.d.). *Wikipedia, The Free Encyclopedia*. Retrieved from <https://www.wikipedia.org>
28. Wikidata contributors (n.d.). *Wikidata*. Retrieved from <https://www.wikidata.org>